TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/HNGĐ-ST
Ngày 02-6-2023
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thi Thị Thanh Trúc;

2. Ông Đỗ Văn Chúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huê – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 378/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2023/QĐST-HN ngày 16 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Kim Thị S, sinh năm 1993 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đa Cần, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh Sơn M, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đa Cần, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 4 năm 2023 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án chị Kim Thị S là nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2011 chị và anh Sơn M do quen biết nên kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu chung sống với nhau rất hạnh phúc. Trong quá trình

chung sống thì do không hợp nhau bất đồng quan điểm; anh M lại cờ bạc, ghen tuông. Nên nay chị yêu cầu xin ly hôn với anh Sơn M. Về con chung: có 02 con chung tên Sơn Thị Cẩm T, sinh ngày 28/3/2010 và Sơn Thị Cẩm T1, sinh ngày 08/3/2013. Hiện nay cháu Thu và cháu Tuyền đang sống chung với chị S, chị S yêu cầu được nuôi 02 con chung; không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Sơn M vắng mặt nên không có lời khai.

Nguyện vọng của cháu Sơn Thị Cẩm T và cháu Sơn Thị Cẩm T1 được chung sống với mẹ Kim Thị Sương.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Kim Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với anh M được Tòa án triệu tập tham gia xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh M vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh M.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự tại phiên tòa cho rằng việc thụ lý vụ án đúng quan hệ tranh chấp. Về người tham gia tố tụng Tòa án đã đưa đầy đủ trong hòa giải cũng như tại phiên tòa. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý đến khi xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và các đương sự đảm bảo đúng quy định.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đã xem xét lời trình bày của nguyên đơn; bị đơn; của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai, tranh luận của các đương sự tại phiên tòa.

Từ những cơ sở phân tích, đánh giá chứng cứ, tính có căn cứ của nguyên đơn, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, các yêu cầu lời trình bày khác trong vụ án. Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 33, 37, 38, 51, 53, 56, 59, 60, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 48, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kim Thị S; Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Kim Thị S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ, anh M không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Bị đơn cư trú tại ấp Đa Cần, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Về xác định tư cách đương sự, xác minh thu thập chứng cứ và thời hạn chuẩn bị xét xử đều thực hiện theo các quy định tại các Điều 68, Điều 97 và Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Kim Thị S và anh Sơn M kết hôn vào năm 2011. Có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hoà Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 22 tháng 01 năm 2011. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống chị S cho rằng giữa anh chị có mâu thuẫn, anh M cờ bạc, ghen tuông, anh M không quan tâm chăm sóc chị cũng như con chung. Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh M hợp lệ tham gia hòa giải, xét xử mà anh M không đến Tòa án trình bày ý kiến mong muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ và không có văn bản trả lời phản bác các yêu cầu của chị S, coi như anh M từ bỏ quyền được yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích pháp của mình. Căn cứ vào lời khai xác nhận của chị S trong quá trình giải quyết vụ án như đã nêu phần trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận mâu thuẫn giữa chị S với anh M là trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S đối với anh M.

[3] Về con chung: Chị Kim Thị S xác định có 02 con chung tên Sơn Thị Cẩm T, sinh ngày 28/3/2010 và Sơn Thị Cẩm T1, sinh ngày 08/3/2013. Hiện nay cháu Tuyền và chị Thu đang chung sống chị S nên chị S yêu cầu được nuôi hai con chung. Anh M vắng mặt không có ý kiến cũng như không có văn bản phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu về con chung của chị S, phù hợp với nguyện vọng của cháu Thu và cháu Tuyền.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Kim Thị S xác định không có, anh Sơn M không có văn bản phản đối hoặc ý kiến đối với vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Kim Thị S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh M không phải chịu án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kim Thị S.

Về hôn nhân: Chị Kim Thị S được ly hôn với anh Sơn M.

Về con chung: Giao cháu Sơn Thị Cẩm T, sinh ngày 28/3/2010 và Sơn Thị Cẩm T1, sinh ngày 08/3/2013 cho chị Kim Thị S nuôi dưỡng, anh Sơn M không phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Kim Thị S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bằng 300.000 đồng nhưng cấn trừ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0016384 ngày 22 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, chị S không phải nộp tiếp. Anh Sơn M không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận**:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND H. Châu Thành;
- Cc. THA DS H. Châu Thành;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS (VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hoàng Nguyên